

Số: 339./QĐ - YDHP

Hải Phòng, ngày 26 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý học vụ học kỳ I năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ – TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ – TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ – YDHP ngày 15/6/2021 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ – YDHP ngày 02/7/2021 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ – YDHP ngày 26/10/2022 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Cập nhật và điều chỉnh Quy chế Đào tạo Đại học – lần 1;

Căn cứ Quyết định số 2860/QĐ – YDHP ngày 30/12/2022 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy định quản lý sinh viên người nước ngoài đang học tập tại trường.

Căn cứ kết quả học tập học kỳ I năm học 2023-2024 của sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khen thưởng kỷ luật và giải quyết chế độ chính sách cho sinh viên ngày 30/01/2024;

Theo đề nghị của Bà trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Xử lý học vụ học kỳ I năm học 2023-2024 đối với 77 sinh viên hệ chính quy (có danh sách cụ thể kèm theo).

Điều 2: Các Khoa/Phòng ban/Bộ môn, các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên điều chỉnh đăng ký học phần để hoàn thành chương trình học đúng tiến độ.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học, các Khoa/Phòng ban/Bộ môn/Trung tâm liên quan và sinh viên có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Gia đình sinh viên (để thông báo);
- Lưu: VT, QLĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Quyết định số 339/QĐ - YDHP, ngày 26 tháng 02 năm 2024)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới	Ngày sinh	Lớp	Học lực		Học lực tích lũy		SV năm	Số TC tích lũy	Số TC nợ	Mức XLHV	Ghi chú
							Điểm 10	Điểm 4	Điểm 10	Điểm 4					
1	2350000085	ĐỖ	NGỌC BẢO	Nam	26/11/2005	ĐDCQ.K19A	3.32	0.46	4.88	1.2	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
2	2350000075	NGUYỄN	ĐÌNH ĐỨC	Nam	5/9/2005	ĐDCQ.K19A	2.22	0.31	4.45	1	1	4	9	Cảnh cáo học vụ lần 1	
3	2350000108	HÀ	QUANG HƯỚNG	Nam	12/10/2005	ĐDCQ.K19A	3.38	0.92	6.46	2.4	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
4	2350000068	HÀ	THỊ QUỲNH MAI	Nữ	27/11/2005	ĐDCQ.K19A	2.3	0.31	4.7	1	1	4	9	Cảnh cáo học vụ lần 1	
5	2350000048	PHẠM	ÁNH NHUNG	Nữ	15/8/2005	ĐDCQ.K19A	1.97	0.54	5.12	1.4	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
6	2350000177	PHẠM	MAI PHƯƠNG	Nữ	6/7/2005	ĐDCQ.K19A	2.8	0.69	6.25	2.25	1	4	9	Cảnh cáo học vụ lần 1	
7	2350000014	NGUYỄN	TUẤN TÀI	Nam	22/10/2005	ĐDCQ.K19A	1.65	0.38	4.28	1	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
8	2350000074	BÙI	THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	5/8/2005	ĐDCQ.K19A	2.61	0.38	4.62	1	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
9	2350000150	LÊ	QUỐC AN	Nam	30/6/2005	ĐDCQ.K19B	2.62	0.38	4.66	1	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
10	2350000175	PHẠM	THỊ NHẬT ANH	Nữ	22/9/2005	ĐDCQ.K19B	3.6	0.62	6	2	1	4	9	Cảnh cáo học vụ lần 1	
11	2350000134	LÊ	HƯƠNG GIANG	Nữ	27/8/2005	ĐDCQ.K19B	3.24	0.85	6.08	2.2	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
12	2350000181	NGUYỄN	THỊ QUỲNH GIANG	Nữ	16/7/2005	ĐDCQ.K19B	2.57	0.38	4.52	1	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
13	2350000180	PHẠM	DIỆU LINH	Nữ	25/3/2005	ĐDCQ.K19B	0.66	0.15	4.3	1	1	2	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
14	2350000126	PHẠM	THỊ DIỆU LY	Nữ	9/12/2005	ĐDCQ.K19B	1.47	0	0	0	1	0	10	Cảnh cáo học vụ lần 1	
15	2350000191	NGUYỄN	THANH PHÚC	Nam	23/6/2005	ĐDCQ.K19B	0	0	0	0	1	0	5	Cảnh cáo học vụ lần 1	
16	2350000071	LÃ	QUỐC VƯƠNG	Nam	16/12/2004	ĐDCQ.K19B	2.88	0.54	5.34	1.4	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
17	2356010014	Nguyễn	Đức Tài	Nam	29/4/2004	KTXNYH.K15	0,74	0	0	0	1	0	5	Cảnh cáo học vụ lần 1	
18	2052010026	Dương	Tuấn Kiệt	Nam	28/11/2002	D.K9.B1	2,74	0	5,56	1,74	2	53	14	Cảnh cáo học vụ lần 1	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới	Ngày sinh	Lớp	Học lực		Học lực tích lũy		SV năm	Số TC tích lũy	Số TC nợ	Mức XLHV	Ghi chú
							Điểm 10	Điểm 4	Điểm 10	Điểm 4					
19	2152010012	HOÀNG TIẾN	VINH	Nam	6/1/2003	DUỠC.K10.A	4,16	0,58	5,94	1,93	2	64	23	Cảnh cáo học vụ lần 1	
20	1951010085	Hoàng Trung	Kiên	Nam	13/1/2000	K41 K	4,58	1,38	5,77	1,89	5	132	20	Cảnh cáo học vụ lần 1	
21	2051010430	Vũ Tuấn	Anh	Nam	9/8/2002	YDK.K42 H	3,1	1	6,3	2,21	4	105	12	Cảnh cáo học vụ lần 1	
22	2051010323	Trần Đình	Hiếu	Nam	25/11/2001	YDK.K42 H	2,29	0,75	5,68	1,89	4	83	30	Cảnh cáo học vụ lần 1	
23	2051010481	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/3/2001	YDK.K42 H	3,45	0,88	5,29	1,57	4	87	26	Cảnh cáo học vụ lần 3	
24	2051010214	Nguyễn Nam	Phương	Nam	15/3/2001	YDK.K42 H	2,13	0,44	5,27	1,59	4	82	31	Cảnh cáo học vụ lần 1	
25	2051010106	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	3/4/2001	YDK.K42 H	1,23	0,34	5,78	1,98	4	81	29	Cảnh cáo học vụ lần 1	
26	2051010079	Cầm Thị Thanh	Tú	Nữ	29/11/2000	YDK.K42 H	4	0,31	5,9	2	4	75	26	Thôi học	
27	2051010080	Hoàng Việt	Tùng	Nam	5/4/2001	YDK.K42 H	2,88	0,97	6	2,06	4	95	17	Cảnh cáo học vụ lần 1	
28	2151010423	NGUYỄN HÀ DUY	ANH	Nam	18/4/2003	YDK.K43D	3,1	1,11	5,86	1,88	3	54	23	Cảnh cáo học vụ lần 2	
29	2151010287	Long Hải	Yến	Nữ	7/10/2002	YDK.K43E	4,13	0,59	5,55	1,74	3	53	16	Thôi học	
30	2151010426	Diệp Thị Phương	Anh	Nữ	3/11/2002	YDK.K43F	4,67	0,75	5,67	1,83	3	62	25	Cảnh cáo học vụ lần 2	
31	2151010441	Trịnh Ngọc	Thành	Nam	5/2/2002	YDK.K43H	4,24	0,67	5,64	1,92	3	56	31	Cảnh cáo học vụ lần 1	
32	2251010113	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	Nữ	22/11/2004	YK.44C	3.29	0.45	4.66	1.17	2	36	16	Cảnh cáo học vụ lần 1	
33	2251010139	HỒ NGỌC	THẮNG	Nam	14/6/2004	YK.44E	4.57	0.95	5.11	1.42	2	26	26	Cảnh cáo học vụ lần 1	
34	2251010347	NGUYỄN QUỲNH	CHI	Nữ	15/8/2004	YK.44G	4.55	0.85	4.96	1.43	2	36	16	Cảnh cáo học vụ lần 1	
35	2251010268	ĐỖ HỮU	LÂN	Nam	26/9/2004	YK.44G	4.83	1.05	5.78	1.91	2	39	13	Cảnh cáo học vụ lần 1	
36	2251100003	MAI THÀNH	QUYẾT	Nam	26/06/2004	YHDP.K16	4.69	0.94	6.26	2.19	2	29	18	Cảnh cáo học vụ lần 1	
37	2351100005	ĐÌNH NGỌC	ÁNH	Nữ	15/07/2005	YHDP.K17	1.86	0.27	04.05	1	1	4	11	Cảnh cáo học vụ lần 1	
38	2351100043	Hoàng Nguyệt	Hạ	Nữ	04/05/2003	YHDP.K17	2.93	0.6	4.66	1.29	1	7	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
39	2351100046	Hoàng Thị	Hương	Nữ	15/12/2005	YHDP.K17	1.42	0.13	4.8	1	1	2	11	Cảnh cáo học vụ lần 1	
40	2351100016	PHẠM VĂN	LINH	Nam	28/11/2005	YHDP.K17	2.61	0.13	4.3	1	1	2	13	Cảnh cáo học vụ lần 1	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới	Ngày sinh	Lớp	Học lực		Học lực tích lũy		SV năm	Số TC tích lũy	Số TC nợ	Mức XLHV	Ghi chú
							Điểm 10	Điểm 4	Điểm 10	Điểm 4					
41	2351100023	VŨ THỊ ANH	THƠ	Nữ	14/08/2005	YHDP.K17	3.25	0.53	4.63	1.33	1	6	9	Cảnh cáo học vụ lần 1	
42	2351100030	HOÀNG QUỐC	TÌNH	Nam	27/06/2005	YHDP.K17	2.55	0.33	4.28	1	1	5	10	Cảnh cáo học vụ lần 1	
43	2351100028	HOÀNG HẠ	VY	Nữ	14/03/2005	YHDP.K17	2.53	0.4	5.15	1.5	1	4	11	Cảnh cáo học vụ lần 1	
44	2351010159	NGUYỄN HỮU	NGHỊ	Nam	1/8/2005	YK.45K	3,59	0,62	4,78	1,31	1	8	9	Cảnh cáo học vụ lần 1	
45	2351010198	NGÔ VĂN	DOANH	Nam	5/10/2005	YK.45D	4,33	0,47	4,81	1	1	8	9	Cảnh cáo học vụ lần 1	
46	2351010305	GIÀNG A	LỬ	Nam	11/2/2005	YK.45H	3,92	0,79	5,51	1,69	1	8	9	Cảnh cáo học vụ lần 1	
47	2351010328	HÀ ANH	DƯƠNG	Nam	29/1/2004	YK.45D	2,54	0,18	4,9	1	1	3	14	Cảnh cáo học vụ lần 1	
48	2351010330	ĐÌNH TUẤN	DU	Nam	10/6/2005	YK.45G	3,61	0,65	4,98	1,38	1	8	9	Cảnh cáo học vụ lần 1	
49	2351010468	TRẦN QUỐC	VIỆT	Nam	3/12/2004	YK.45G	3,77	0,62	5,7	1,75	1	6	11	Cảnh cáo học vụ lần 1	
50	2055010009	Trương Hà Hồng	Nhung	Nữ	28/6/2001	RHM.K12	6.24	2.21	5.76	1.92	3	85	27	Cảnh cáo học vụ lần 1	
51	2351150014	PHẠM VĂN VIỆT	ANH	Nam	2/11/2005	YHCT.K9	1.6	0.38	4.16	1	1	5	8	Cảnh cáo học vụ lần 1	
52	2351150030	BẠCH CẢNH	CUÔNG	Nam	23/7/2005	YHCT.K9	2.38	0.23	5.3	1.5	1	2	11	Cảnh cáo học vụ lần 1	
53	2351150032	NGUYỄN VĂN	QUANG	Nam	11/2/2005	YHCT.K9	2.39	0.31	5.5	2	1	2	11	Cảnh cáo học vụ lần 1	
54	2351150058	VŨ ĐỨC	THẮNG	Nam	18/11/2005	YHCT.K9	2.61	0.62	5.55	2	1	4	9	Cảnh cáo học vụ lần 1	

NGƯỜI LẬP


 Nguyễn Thị Quỳnh Nhung

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC


 TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
 PGS. TS. Nguyễn Thị Thắm

HIỆU TRƯỞNG



 PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Quyết định số 339/QĐ - YDHP, ngày 26 tháng 02 năm 2024)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới	Ngày sinh	Lớp	Học lực		Học lực tích lũy		SV năm	Số TC tích lũy	Số TC nợ	Mức XLHV	Ghi chú
							Điểm 10	Điểm 4	Điểm 10	Điểm 4					
1	1952010120	Manichanh	ALIYA	Nữ	2/3/2000	D.K8.C	2,34	0,56	5,03	1,46	2	69	34	Cảnh cáo học vụ lần 3	
2	2152010159	VONGKHAM SING	DUANGCHAN	Nữ	11/8/2003	DUỢC.K10.B	2,87	0,22	5,42	1,71	2	38	33	Cảnh cáo học vụ lần 2	
3	2152010158	KINNAVONG	THINNAKONE	Nam	10/8/2002	DUỢC.K10.C	1,35	0,17	4,4	1	1	9	11	Cảnh cáo học vụ lần 1	
4	2252010158	KHA	SOMMEESOUK	Nữ	17/12/2003	DUỢC.K11A	3,09	0,81	5,03	1,42	2	36	14	Cảnh cáo học vụ lần 1	
5	2252010156	CHANTHASOUK	THIPKESONE	Nữ	23/6/2004	DUỢC.K11A	2,6	0,38	4,69	1,22	1	23	27	Cảnh cáo học vụ lần 1	
6	2252010157	LATTANAVONG	SOUVINA	Nữ	3/5/2003	DUỢC.K11B	2,84	0,56	5,15	1,58	1	19	31	Cảnh cáo học vụ lần 1	
7	2151010519	CHANTHASIRI	XAYSANITH	Nam	6/7/2003	YDK.K43B	0	0	5,65	1,79	3	57	24	Cảnh cáo học vụ lần 3	
8	2151010500	PHOUMKHAY	CHANTHALA	Nữ	15/10/2000	YDK.K43E	4,02	0,75	5,24	1,52	3	53	28	Cảnh cáo học vụ lần 3	
9	2151010496	PHAIMANYVONG	SABAIKHAM	Nữ	8/10/2002	YDK.K43G	3,16	0,16	4,69	1,21	3	40	35	Cảnh cáo học vụ lần 3	
10	2151010507	LORBLIAYAO	KEO	Nữ	10/11/2000	YDK.K43H	3,94	0,62	5,19	1,49	3	44	31	Cảnh cáo học vụ lần 3	
11	2151010506	VONGPHACHANH	SOMSANITH	Nữ	15/3/2000	YDK.K43H	4,2	0,68	5,1	1,45	3	42	33	Cảnh cáo học vụ lần 3	
12	2251010471	SOUVONG	PAVINA	Nữ	31/8/2004	YK.44C	4,84	0,95	5,46	1,64	2	29	23	Cảnh cáo học vụ lần 1	
13	2251010475	SISOMPHEANG	SOUKSAVANH	Nam	24/3/2003	YK.44E	4,76	1,18	5,48	1,73	2	26	26	Cảnh cáo học vụ lần 1	
14	2251010482	LATHCHAMPATHONG	KETKEO	Nữ	5/4/2004	YK.44G	3,19	0,8	5	1,5	2	27	22	Cảnh cáo học vụ lần 1	
15	2251010479	LATTANAVONG	PHONETHITA	Nữ	9/12/2003	YK.44G	4,56	0,8	4,91	1,29	2	28	24	Cảnh cáo học vụ lần 1	
16	1951010607	Vonglueakham	ALOUNNY	Nữ	22/7/2000	YKLAO_K1	3,13	1,18	5,58	1,8	4	120	32	Cảnh cáo học vụ lần 1	
17	1951010579	Phaisyasith	LINA	Nữ	25/11/1999	YKLAO_K1	4	0,44	5,66	1,86	4	111	19	Cảnh cáo học vụ lần 3	
18	1951010609	Sophanang	PHOUTTHASONE	Nam	16/8/2000	YKLAO_K1	4,43	1,11	5,49	1,79	4	113	26	Cảnh cáo học vụ lần 3	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới	Ngày sinh	Lớp	Học lực		Học lực tích lũy		SV năm	Số TC tích lũy	Số TC nợ	Mức XLHV	Ghi chú
							Điểm 10	Điểm 4	Điểm 10	Điểm 4					
19	1951010608	Keobouasay	THIPPHAMY	Nữ	4/11/1999	YKLAO_K1	3,4	0	5,32	1,66	3	99	36	Cảnh cáo học vụ lần 2	
20	2001010028	XAYXANAVONG	THANOUHAK	Nam	7/1/2002	YKLAO_K2	4,94	1,29	6,01	2,08	4	89	27	Cảnh cáo học vụ lần 2	
21	1851010992	SOUMIXAY	VALANNYEU	Nam	03/03/1994	YDK.40F	3.9	1.1	5.56	1.76	3	103	40	Cảnh cáo học vụ lần 3	
22	2355010090	PHETPANYA	PHENNAPHA	Nữ	8/10/2004	RHM.K15	2.2	0.5	4.4	1	1	3	3	Cảnh cáo học vụ lần 1	
23	2355010091	PHIMMASEN	THIPPHAVANH	Nữ	30/10/2004	RHM.K15	2.55	0.75	5.1	1.5	1	3	3	Cảnh cáo học vụ lần 1	

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Quỳnh Nhung

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
PGS. TS. Nguyễn Thị Thắm

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai